

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v không công nhận vợ chồng và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện H TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Đinh Thị Phương Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị Mỹ H, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Dương Hồng N, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh N tự quen biết và thương yêu nhau, được cha mẹ hai bên cho tổ chức đám cưới nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu lấy nhau, anh chị chung sống hạnh phúc và có hai con chung là cháu Dương Gia Huy, sinh ngày 23/10/2014 và cháu Dương Ngọc Hân, sinh ngày 04/5/2019. Tuy nhiên thời gian sau này, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hòa hợp sống chung được nữa. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh N là vợ chồng. Về con chung, cháu Huy và cháu Hân hiện đang sống cùng chị, nên chị nhận nuôi hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị xác nhận quá trình chung sống với anh N, chị không có tài sản chung, không có nợ

chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Dương Hồng N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H chung sống như vợ chồng với anh N nhưng không đăng ký kết hôn nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị H, anh N nhưng anh, chị không có mặt tại Tòa, riêng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh N theo quy định tại khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, quan hệ chung sống giữa chị H và anh N không được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống giữa hai người thường nảy sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau, giữa anh, chị không còn tình yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau, do đó chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh, chị là vợ chồng, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị H và anh N có hai con chung là cháu Dương Gia Huy, sinh ngày 23/10/2014 và cháu Dương Ngọc Hân, sinh ngày 04/5/2019, chị H có nguyện vọng muốn nuôi hai con, Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại hai con đang ở với chị H, cháu Huy có nguyện vọng muốn sống với mẹ, cháu Hân còn quá nhỏ, cũng rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, anh N thường xuyên đi ghe biển không có nhà nên điều kiện chăm sóc, gần gũi con cũng hạn chế, do đó xét nên giao cháu Huy và cháu Hân cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 15 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H có nhà riêng, có công việc ổn định (bán tạp hóa, mở tiệm làm móng) đủ điều kiện nuôi hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét nên ghi nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác nhận quá trình chung sống với anh N, chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 14, 15, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lưu Thị Mỹ H và anh Dương Hồng N là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Dương Gia Huy, sinh ngày 23/10/2014 và cháu Dương Ngọc Hân, sinh ngày 04/5/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001727 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị H đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai